

Bản án số: 63/2019/HS-ST
Ngày 27 tháng 02 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Minh và Ông Trần Quốc Đầu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh N.

Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Văn B và con bà: Hà Thị D.

Chồng: Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (chưa đăng ký kết hôn). Có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2018 đến ngày 13/12/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2018 cho đến nay. Có mặt.

* Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã X, huyện Đ, tỉnh N.

Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

1. Bà Hà Thị D, sinh năm 1956; trú tại: Khối 7, thị trấn H, huyện H, Nn.

Vắng mặt.

2. Chị Vũ Thị Nhung, sinh năm 1984; trú tại: Nhà số 02, ngõ 60, đường P, khối 4, phường T, thành phố V, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI D V U Á N

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 11 năm 2018, Nguyễn Thị T được vào làm nhân viên bán hàng quần áo tại cửa hàng số 40, đường N thuộc khối 9, phường B, thành phố V, tỉnh N do chị Nguyễn Thị T làm chủ. Khoảng 18 giờ ngày 02/12/2018 T và T ăn cơm tại ốt quần áo thì T phát hiện có một chiếc túi xách màu xám của chị T treo ở quầy thu ngân, biết trong túi có tiền bán hàng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc chị T sang cửa hàng bên cạnh chơi, T mở trong túi xách lấy số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) rồi bỏ vào trong túi xách của mình. Sau khi hết giờ làm T đưa số tiền trên về phòng trọ tại khối 4, phường B, thành phố V, tỉnh N cất giấu. Ngày 05/12/2018 T đưa tiền về nhà tại khối 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An và lấy 1.500.000 đồng đưa cho mẹ đẻ là bà H (Sinh năm 1956) để lấy hàng bánh kẹo. Ngày 06/12/2018 T tiếp tục lấy 3.000.000 đồng trong số tiền đã trộm được của chị T cho chị Vũ Thị N vay. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/12/2018 nhận thức được hành vi phạm tội của mình, T đến Công an phường B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình và giao nộp số tiền 1.800.000 đồng gồm 03 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 06 tờ mệnh giá 50.000 đồng.

Ngày 12/12/2018 Chị Vũ Thị N đã đến cơ quan CSĐT Công an thành phố Vinh giao nộp 3.000.000 đồng mượn của chị T. Ngày 22/12/2018 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vinh đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.800.000 đồng. Ngày 26/12/2018 Nguyễn Thị T đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000 đồng. Chị T đã nhận đầy đủ số tiền bị T lấy trộm và không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 51/CT-VKS-TPV ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố để xét xử Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, giữ nguyên tội danh đã truy tố, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T từ 6 đến 9 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; áp dụng điều 136 BLTTHS, điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý với nội D Cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận khác: Vào khoảng 18 giờ, ngày 02/12/2018, tại cửa hàng số 40, đường N thuộc khối 9, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị T. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu cá nhân của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Vinh. Bị cáo được người bị hại thuê làm việc nhưng không chịu làm ăn chân chính, lợi dụng niềm tin, sơ hở của người bị hại đã lén lút lấy trộm tài sản là hành vi trái pháp luật, đáng lên án. Bị cáo nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết giảm nhẹ thấy rằng bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, người bị hại vắng mặt có đơn xử vắng mặt đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị T đã nhận lại đầy đủ số tiền của mình là 6.300.000 đồng và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Đối với bà Hà Thị D được bị cáo đưa số tiền 1.500.000 đồng để mua hàng và chị Vũ Thị Nhung được bị cáo cho vay 3.000.000 đồng. Đây là số tiền mà bị cáo lấy trộm của chị T. Tuy nhiên bà D và chị Nhung không biết số tiền này do bị cáo T phạm tội mà có do vậy Bà D và chị Nhung không phạm tội. Số tiền này đã được trả lại đầy đủ cho chị T.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07 tháng 12 năm 2018 đến ngày 13 tháng 12 năm 2018.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- VKSNDTP Vinh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Vinh;
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Trại giam Công an tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn H;
- Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Hương